

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 027/DLNF/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Đà Lạt

Địa chỉ: Số 09 Khúc Thừa Dụ, Lô Thanh Thanh, Tổ 26, Thị trấn Liên Nghĩa, Huyện Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: 0939287968

E-mail: info@datino.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 5801429512

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Hiện tại Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Đà Lạt đã được cấp chứng nhận Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000. Vì vậy, công ty không thuộc diện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP theo điểm k, khoản 1, điều 12, nghị định 15/2018/NĐ-CP ban hành ngày 02/02/2018.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Bột nước mát

2. Thành phần: dextrose monohydrate, sucrose (có chứa 3% bột bắp), bột cao khô: râu ngô, hoa cúc trắng, bạch mao căn, atiso, cỏ ngọt; hương liệu: hương bắp dạng bột; chất tạo màu: màu caramel (INS 150d) dạng bột; chất tạo ngọt tự nhiên: Steviol Glycoside (INS 960), còn gọi là chiết xuất stevia.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng

4. Quy cách đóng gói: hộp 80g (8g x 10 gói), 48 hộp/thùng carton. Chất liệu bao bì: màng nhựa opp mờ/màng al/màng pe, đảm bảo yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Đà Lạt



Địa chỉ: Số 09 Khúc Thừa Dụ, Lô Thanh Thanh, Tổ 26, Thị Trấn Liên Nghĩa, Huyện Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Tiêu chuẩn nhà sản xuất số: 027:2025/DLNF

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Lâm Đồng, ngày 09 tháng 04 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Dinh Dưỡng Trung



TIÊU CHUẨN NHÀ SẢN XUẤT SỐ: 027:2025/DLNF

1. Sản phẩm: BỘT NƯỚC MÁT

2. Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM DINH DƯỠNG ĐÀ LẠT

Địa chỉ: 09 Khúc Thừa Dụ, Lô Thanh Thanh, Tổ 26, Thị trấn Liên nghĩa, Huyện Đức

Trọng, Tỉnh Lâm Đồng

3. Các chỉ tiêu cảm quan:

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Dạng bột mịn, không tạp chất
2	Màu sắc	Màu trắng đục xen lẫn nâu vàng
3	Mùi vị	Mùi vị đặc trưng của thảo mộc, hương hấp, vị ngọt dịu, không có mùi vị lạ.

4. Yêu cầu về an toàn:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
I	Độ ẩm	%	5
II	Tro không tan trong acid	%	< 0,5
III	Vì sinh		
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10 ⁴
2	Coliforms	CFU/g	10
3	E. coli	CFU/g	Không có
4	Cl. perfringens	CFU/g	10
5	B. cereus	CFU/g	10 ²
6	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/g	10 ²
IV	Kim loại nặng		
1	Hàm lượng Arsen (As)	Mg/kg	1,0
2	Hàm lượng Cadimi (Cd)	Mg/kg	0,2
3	Hàm lượng chì (Pb)	Mg/kg	2,0
V	Độc tố vi nấm		
1	Hàm lượng Aflatoxin tổng	µg/kg	15
VI	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và hóa chất khác		
Theo thông tư 50/2016/TT-BYT ngày 31/12/2016 của Bộ Y Tế			

5. Mức công bố giá trị dinh dưỡng:

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g sản phẩm và trong 1 khẩu phần 8g (theo kết quả phân tích ngày 31/03/2025)



Chỉ tiêu	Trong 100g	Trong 1 khẩu phần (8g)
Năng lượng	359 kcal	28,72 kcal
Tổng chất béo	0,75 g	0,06 g
Tổng carbohydrate	87,00 g	6,96 g
Chất đạm	0,93 g	0,07 g
Natri	34,3 mg	2,74 mg

***Ghi chú:**

- Khẩu phần 8g tương đương với một gói theo quy cách đóng gói sản phẩm.
- Các giá trị nêu trên được xác định từ kết quả phân tích mẫu đại diện ngày 31/03/2025 tại Viện Nghiên Cứu Hạt Nhân. Giá trị có thể dao động trong khoảng $\pm 20\%$ tùy theo đặc điểm nguyên liệu và điều kiện sản xuất.

Lâm Đồng, ngày 09 tháng 04 năm 2025
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Dinh Lăng Trung





MẪU NHÃN SẢN PHẨM

Tên sản phẩm: **Bột nước mát**

Thành phần: Dextrose, đường, bột cao khô: râu ngô, hoa cúc trắng, bạch mao căn, atiso, cỏ ngọt; hương bắp thực phẩm, màu caramel, chiết xuất stevia.

Hướng dẫn sử dụng: Cho một gói bột nước mát DATINO (8g) vào 150 – 200 ml nước và khuấy đều. Ngon hơn khi uống lạnh.

- Người lớn: 2-3 gói/ngày

- Trẻ em trên 5 tuổi: 1-2 gói/ngày

Hướng dẫn bảo quản: Để nơi khô ráo, thoáng mát, tránh nhiệt độ cao và ánh nắng trực tiếp.

Cảnh báo an toàn thực phẩm: Không sử dụng nếu sản phẩm hết hạn sử dụng hoặc có dấu hiệu nấm mốc, có mùi lạ.

NSX và HSD: 24 tháng tính từ ngày sản xuất.

Khối lượng tịnh: 80g (8g x 10 gói)

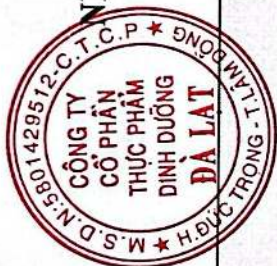
Xuất xứ: Việt Nam

Sản xuất và phân phối bởi:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM DINH DƯỠNG ĐÀ LẠT

Địa chỉ: Số 09 Khúc Thừa Dụ, Lô Thanh Thanh, Tổ 26, Thị trấn Liên Nghĩa, Huyện Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng.

NHÃN CHÍNH SẢN PHẨM



BỘ 1

NƯỚC MẮT

HERBAL DRINK POWDER

Healthy PRODUCT

Khối lượng tịnh/Net Weight:
80 g (6 x 10 gói/sachet)

SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI BỞI: Công Ty Cổ Phần Thực Phẩm Dinh Dưỡng Đà Lạt
 Địa chỉ: Số 09 Khúc Thừa Dụ, Lũy Trường Chinh, Tổ 26, Thị trấn Liên Nghĩa, Huyện Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng.
 Manufactured and distributed by: Datino Nutrition Food Joint Stock Company
 Address: 09 Khúc Thừa Dụ Street, Thanh Lũy, Group 26, Lien Nghia Town, Duc Trong District Lam Dong Province.

SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM
 Made in Vietnam

BỘ 2

NƯỚC MẮT

HERBAL DRINK POWDER

Thành phần: Dextrose, đường, bột cacao, rau ngò, hoa cúc trắng, bạch mao căn, atiso, cỏ ngọt, hương bắp thực phẩm, màu caramel, chiết xuất stevia | **Ingredients:** Dextrose, sugar, herbal dry extracts (including corn silk, white chrysanthemum, imperata root, artichoke, stevia), corn flavor, caramel color, stevia extract.

Hướng dẫn sử dụng: Cho một gói Bột Nước Mắt Datino 8g vào 150-200ml nước thủy cấp cho đến khi tan hết. Ngọt hơn khi uống lạnh. Người lớn: 2-3 gói/ngày, trẻ em trên 5 tuổi: 1-2 gói/ngày.
Direction for use: Stir one 8g sachet of Datino Herbal Drink Powder into 150-200ml of water until fully dissolved. Best enjoyed when served cold. Adults: 2-3 sachets per day, children over 5 years old: 1-2 sachets per day.

Hướng dẫn bảo quản: Để nơi khô ráo, thoáng mát, tránh nhiệt độ cao và ánh nắng trực tiếp.
Storage: Store in a cool, dry place. Avoid high temperatures and direct sunlight.

Cảnh báo an toàn thực phẩm: Không sử dụng khi sản phẩm hết hạn, có dấu hiệu nấm mốc hoặc có mùi vị lạ.
Food safety warning: Do not use if the product is expired, shows signs of mold, or has an unusual smell or taste.

Ngày sản xuất và hạn sử dụng: xem trên bao bì sản phẩm.
Manufacturing and expiry date: See packaging for details.
Số TCB | Self-Declaration No: 027/DLNF/2025

Người lớn: 2 - 3 / ngày
Trẻ em trên 5 tuổi: 1 - 2 / ngày

63) Ít nhất 6 tháng
62) 150-200 ml nước
61) 8g

Mức độ dinh dưỡng (Nutrition Facts)	
Energy/Energy %	100%
Total Fat/Total Fat %	0.0g/0.0%
Total Carbohydrate/Total Carbohydrate %	15.0g/30.0%
Total Protein/Total Protein %	0.0g/0.0%
Total Fiber/Total Fiber %	0.0g/0.0%
Total Sugar/Total Sugar %	10.0g/20.0%
Total Fat %	0.0%
Total Carbohydrate %	30.0%
Total Protein %	0.0%
Total Fiber %	0.0%
Total Sugar %	20.0%

* 80 g sản phẩm tương đương với 100 kcal năng lượng.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Trang 01/01

Số: 250325/1/0202-1

- 1 Đơn vị (người) gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM DINH DƯỠNG ĐÀ LẠT
2 Địa chỉ : Số 9, Khúc Thừa Dụ, lô Thanh Thanh, Tổ 26, TT. Liên Nghĩa, Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng
3 Tên mẫu/kí hiệu mẫu : BỘT NƯỚC MÁT
4 Khối lượng mẫu : 0,5 kg 5. Số lượng mẫu : 01
6 Mô tả mẫu : Dạng bột
7 Ngày nhận mẫu : 25/03/2025 8. Ngày trả kết quả : 31/03/2025
9 Kết quả thử nghiệm : Tính trên trọng lượng thực tế

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp
1	Độ ẩm	%	4,93	TCVN 5613-2007
2	Tro không tan trong acid	%	<0,10	TCVN 5612-2007
3	Đường tổng	%	68,1	TCVN 4075:2009
4	TSVSVHK*	CFU/g	8×10^1	TCVN 4884-1:2015
5	Coliforms*	CFU/g	KPH(LOQ=10)	TCVN 6848:2007
6	E.coli*	CFU/g	KPH(LOQ=10)	TCVN 7924-2:2008
7	Cl.perfringens	CFU/g	KPH(LOQ=10)	TCVN 4991:2005
8	B.cereus	CFU/g	KPH(LOQ=10)	TCVN 4829:2005
9	TSBTNM-M	CFU/g	KPH(LOQ=10)	TCVN 8275-1:2010
10	As*	mg/kg	KPH (LOQ=0,01)	TCVN 7770:2007
11	Cd*	mg/kg	KPH (LOQ=0,02)	AOAC 999.11
12	Pb*	mg/kg	KPH (LOQ=0,04)	AOAC 999.11
13	Aflatoxin tổng**	µg/kg	KPH (LOD=0,3)	TCVN 7596:2007
14	Dư lượng thuốc BVTV			
	Diazinon*	mg/kg	KPH(LOQ=0,01)	QTTTPT -13 (2020) Ref. EURL – FV (2010 –M4)
	Dichloran	mg/kg	KPH(LOQ=0,01)	
	Aldrin	mg/kg	KPH(LOQ=0,01)	
	Dieldrin	mg/kg	KPH(LOQ=0,01)	
	Azoxystrobin*	mg/kg	KPH(LOQ=0,01)	
	Cyhalothrin*	mg/kg	KPH(LOQ=0,01)	
	Permethrin*	mg/kg	KPH(LOQ=0,01)	
	Cypermethrin*	mg/kg	KPH(LOQ=0,01)	
	Fenvalerate*	mg/kg	KPH(LOQ=0,01)	
	Indoxacarb*	mg/kg	KPH(LOQ=0,01)	

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

(Signature)

Trương Đức Toàn

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



(Signature)
Nguyễn Xuân Hải

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
KPH – không phát hiện, LOQ: giới hạn định lượng; (*) Các chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO 17025:2017; ** theo QCVN 02:2009/BYT
BM 7.8.01 phiếu kết quả thử nghiệm – ban hành lần 1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Trang 01/01

Mã số: 250325/1/0202-1

- 1 Đơn vị (người) gửi mẫu : **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM DINH DƯỠNG ĐÀ LẠT**
- 2 Địa chỉ : **Số 9, Khúc Thừa Dụ, lô Thanh Thanh, Tổ 26, TT. Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng**
- 3 Tên mẫu/kí hiệu mẫu : **BỘT NƯỚC MÁT**
- 4 Khối lượng mẫu : **0,5 kg** 5. Số lượng : **01**
- 6 Mô tả mẫu : **Dạng bột**
- 7 Ngày nhận mẫu : **25/03/2025** 8. Ngày trả kết quả : **31/03/2025**
- 9 Kết quả thử nghiệm : **Tính trên trọng lượng mẫu thực tế**

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp
1	Na	g/100g	0,03	TCVN 10633:2015
2	Protein	g/100g	0,93	TCVN 6498:1999
3	Chất béo	g/100g	0,75	TCVN 10730:2015
4	Carbohydrate	g/100g	87	AOAC 968:28
5	Calories	Kcal/100g	359	TCVN 8762:2012

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trương Đức Toàn



Nguyễn Xuân Hải

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
KPH – không phát hiện, LOQ: giới hạn định lượng; (*) Các chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO 17025:2017; ** theo QCVN 02:2009/BYT
BM 7.8.01 phiếu kết quả thử nghiệm – ban hành lần 1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 250325/1/0202-1

Thông tin thành phần dinh dưỡng

Thông tin thành phần dinh dưỡng trên **100g**

Năng lượng **359 Kcal**

% Giá trị dinh dưỡng hàng ngày*

Tổng chất béo	0,75 g	1,15 %
Tổng carbohydrate	87 g	29 %
Chất đạm	0,93 g	1,86 %
Natri	34,3 mg	1,49 %

*% Giá trị dinh dưỡng hàng ngày (%DV) được tính dựa trên nhu cầu năng lượng 2.000 Kcal.

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.

KPH – không phát hiện, LOQ: giới hạn định lượng; (*) Các chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO 17025:2017; ** theo QCVN 02:2009/BYT BM 7.8.01 phiếu kết quả thử nghiệm – ban hành lần 1